

Số: 605 /QĐ-ĐHKTNCN

Cần Thơ, ngày 10 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành các mẫu phiếu khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ CẦN THƠ

Căn cứ Quyết định số 249/QĐ-TTg ngày 29 tháng 01 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 04/2016/TT-BGDDĐT ngày 14 tháng 3 năm 2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này các mẫu phiếu khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan (kèm theo các mẫu phiếu khảo sát) và phần mềm khảo sát, bao gồm:

- a) BM01: Phiếu khảo sát ý kiến các bên liên quan về tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục và mục tiêu chiến lược;
- b) BM02: Phiếu khảo sát ý kiến của viên chức về môi trường làm việc;
- c) BM03: Phiếu khảo sát ý kiến của sinh viên năm thứ nhất về công tác tuyển sinh, nhập học;
- d) BM04: Phiếu khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng học phần lý thuyết và thực hành;
- đ) BM05: Phiếu khảo sát ý kiến của sinh viên về chất lượng học phần đồ án, tiểu luận, luận văn;
- e) BM06: Phiếu khảo sát ý kiến của sinh viên năm cuối trước khi tốt nghiệp về chất lượng đào tạo;
- g) BM07: Phiếu khảo sát ý kiến của cựu sinh viên về việc làm;

lý



h) BM08: Phiếu khảo sát ý kiến của giảng viên về hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học;

i) BM09: Phiếu khảo sát ý kiến của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp và chương trình đào tạo;

k) Phần mềm trực tuyến nhập số liệu khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan tại địa chỉ <http://ctuet.edu.vn> và <http://daotao.ctuet.edu.vn>

Điều 2. Giao triển khai thực hiện:

1. Phòng Đảm bảo chất lượng và Khảo thí

a) Hướng dẫn các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan;

b) Kiểm tra, giám sát các đơn vị triển khai thực hiện khảo sát; tổng hợp, phân tích số liệu và báo cáo Hiệu trưởng về kết quả chỉ số hài lòng của các bên liên quan hàng năm.

2. Các phòng, khoa

- Triển khai khảo sát sự hài lòng của các bên liên quan;
- Nhập số liệu, tổng hợp số liệu, báo cáo chi tiết kết quả khảo sát; ghi nhận, rà soát, phân tích các ý kiến chưa hài lòng;
- Giải quyết, khắc phục kịp thời các kiến nghị của các bên liên quan và lập kế hoạch, triển khai hoạt động cải tiến chất lượng trong phạm vi thẩm quyền, phù hợp với nguồn lực của đơn vị.

Điều 3. Các ông/bà Trưởng đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký/. *Đại*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT, PĐBCLKT.



Huỳnh Thanh Nhã



PHIẾU KHẢO SÁT

Lấy ý kiến sửa đổi, bổ sung dự thảo tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục của Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ

Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ xin chân thành cảm ơn và gửi lời tri ân sâu sắc đến tất cả Quý lãnh đạo qua các thời kỳ, cựu giảng viên, giảng viên, cựu sinh viên, sinh viên và doanh nghiệp đã tin tưởng học tập, làm việc, hợp tác, chia sẻ với Trường trong thời gian qua.

Với mục tiêu ngày càng cao chất lượng giáo dục, hướng tới trở thành một đơn vị đào tạo nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, có kỹ năng nghề nghiệp tiếp cận với thực tiễn trong các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của thành phố Cần Thơ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long và cả nước, Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ mong muốn được lắng nghe những nhận xét, đóng góp quý báu của Quý lãnh đạo qua các thời kỳ, cựu giảng viên, giảng viên, cựu sinh viên, sinh viên và doanh nghiệp về các nội dung dự thảo sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, giá trị văn hóa của Nhà trường.

Kính mong Quý lãnh đạo qua các thời kỳ, cựu giảng viên, giảng viên, cựu sinh viên, sinh viên và doanh nghiệp xem bản dự thảo đính kèm và vui lòng điền và đánh dấu vào các lựa chọn sau:

1. Rất không đồng ý; 2. Không đồng ý; 3. Không có ý kiến; 4. Đồng ý; 5. Rất đồng ý

| I. Ý kiến đóng góp về tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục | Mức độ đồng ý | | | | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Ông/Bà có đồng ý với Sứ mệnh trong bản dự thảo? | <input type="radio"/> |
| 2. Ông/Bà có đồng ý với Tầm nhìn trong bản dự thảo? | <input type="radio"/> |
| 3. Ông/Bà có đồng ý với Giá trị cốt lõi trong bản dự thảo? | <input type="radio"/> |
| 4. Ông/Bà có đồng ý với Triết lý giáo dục trong bản dự thảo? | <input type="radio"/> |
| II. Ý kiến đóng góp về mục tiêu chiến lược | Mức độ đồng ý | | | | |
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 5. Mục tiêu chung có phù hợp với các quy định về luật pháp, các tuyên bố về sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi, triết lý giáo dục hay không? | <input type="radio"/> |
| 6. Mục tiêu chung có mang tính lâu dài hay không? | <input type="radio"/> |
| 7. Mục tiêu chung có phản ánh các vấn đề chiến lược và ưu tiên của nhà trường hay không? | <input type="radio"/> |
| 8. Các mục tiêu cụ thể có bao quát đầy đủ các lĩnh vực hay không? | <input type="radio"/> |
| 9. Các mục tiêu cụ thể có phù hợp đối với yêu cầu ngắn hạn và dài hạn hay không? | <input type="radio"/> |
| 10. Các mục tiêu cụ thể và chỉ tiêu đã được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và nội dung hợp lý hay chưa? | <input type="radio"/> |
| 11. Các chỉ tiêu có rõ ràng và đo đạc được hay không? | <input type="radio"/> |
| 12. Ý kiến khác (nếu có) | | | | | |

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý vị!



PHIẾU KHẢO SÁT

Ý kiến của viên chức về môi trường làm việc

Thầy Cô vui lòng cho biết mức độ hài lòng bằng cách tô đen vào một ô thích hợp cho từng câu trả lời của các tiêu chí theo mức độ hài lòng như sau:

- 1. Rất không hài lòng; 2. Không hài lòng; 3. Không ý kiến; 4. Hài lòng; 5. Rất hài lòng**

I. Tiêu chí 1: Lương bỗng và Phúc lợi

| STT | Tiêu chí – Chỉ số đánh giá | Mức độ hài lòng | | | | |
|-----|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. | Tôi hiểu rõ về cách tính lương hàng tháng | <input type="radio"/> |
| 2. | Tôi được trả lương và thưởng xứng đáng cho trách nhiệm và chất lượng công việc | <input type="radio"/> |
| 3. | Tôi hài lòng về chính sách tăng lương của Nhà trường | <input type="radio"/> |
| 4. | Tôi hài lòng về tiền thưởng (các dịp lễ tết, thành tích cá nhân, ...) | <input type="radio"/> |
| 5. | Tôi hài lòng về chế độ chăm sóc sức khỏe | <input type="radio"/> |
| 6. | Tôi hài lòng về các loại phụ cấp khác (giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hỗ trợ chi phí học tập/bồi dưỡng, công tác phí, chi tiêu hội nghị/hội thảo, nghỉ phép năm, v.v) | <input type="radio"/> |
| 7. | Chính sách lương và phúc lợi của Nhà Trường khuyến khích tinh thần làm việc tích cực của CBVC | <input type="radio"/> |
| 8. | Thầy/Cô đánh giá thế nào về tổng thu nhập của mình so với mặt bằng chung thị trường | <input type="radio"/> |
| | ○ Cao hơn so với mặt bằng chung | <input type="radio"/> |
| | ○ Bằng mặt bằng chung | <input type="radio"/> |
| | ○ Thấp hơn so với mặt bằng chung | <input type="radio"/> |

II. Tiêu chí 2: Chính sách và quy trình làm việc

| STT | Tiêu chí – Chỉ số đánh giá | Mức độ hài lòng | | | | |
|-----|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 9. | Nhà trường lưu trữ các chính sách, quy định, quy trình làm việc rõ ràng, khoa học | <input type="radio"/> |
| 10. | Tôi có thể dễ dàng tìm kiếm các văn bản do Nhà trường ban hành trên hệ thống EGOV, Website trường và các phòng ban chức năng | <input type="radio"/> |

III. Tiêu chí 3: Cơ hội đào tạo và thăng tiến

| STT | Tiêu chí – Chỉ số đánh giá | Mức độ hài lòng | | | | |
|-----|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 11. | Tôi biết rõ các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng dành cho CBVC của Trường | <input type="radio"/> |
| 12. | Tôi được tạo điều kiện tham gia đào tạo/bồi dưỡng nâng cao năng lực làm việc | <input type="radio"/> |
| 13. | Cơ hội thăng tiến công bằng cho mọi thành viên | <input type="radio"/> |
| 14. | Mức độ hài lòng về công tác đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn CBVC của Trường. | <input type="radio"/> |





15. Thầy/Cô nhận được thông tin về hoạt động đào tạo, bồi dưỡng dành cho CBVC của Trường qua kênh thông tin nào? (có thể có nhiều lựa chọn)

- Trên Egov
- Trên website của Trường/của phòng Tổ chức – Hành chính
- Nhận được văn bản giấy
- Được Trường đơn vị triển khai
- Khác.....

16. Số lần trong 1 năm tôi được tham gia hội nghị, hội thảo trong nước và ngoài nước

- Không lần nào
- 01 - 2 lần
- 3 - 4 lần
- Hơn 5 lần

17. Số lần trong 01 năm tôi được tham gia các lớp bồi dưỡng nghiệp vụ (nghiệp vụ sư phạm, tin học, ngoại ngữ, QLNN, QLGD, ...):

- Không lần nào
- 01 - 2 lần
- 3 - 4 lần
- Hơn 5 lần

18. Số lần trong 05 năm (2016 - 2020) tôi được cử đi đào tạo bồi dưỡng nâng cao trình độ:

- Dưới 02 lần
- Từ 02 lần trở lên

19. Ý kiến khác về hoạt động đào tạo bồi dưỡng và phát triển chuyên môn:

.....
.....
.....

IV. Tiêu chí 4: Cấp quản lý trực tiếp

| STT | Tiêu chí – Chỉ số đánh giá | Mức độ hài lòng | | | | |
|-----|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 20. | Cấp trên giao việc hợp lý và đưa ra những tiêu chuẩn về thời hạn và chất lượng cụ thể. Tôi được trang bị đầy đủ phương tiện làm việc | <input type="radio"/> |
| 21. | Cấp trên cung cấp đủ thông tin và nguồn lực giúp tôi hoàn thành công việc | <input type="radio"/> |
| 22. | Cấp trên giám sát tiến độ thực hiện công việc và phản hồi kịp thời | <input type="radio"/> |
| 23. | Cấp trên đánh giá kết quả công việc khách quan, công bằng | <input type="radio"/> |
| 24. | Cấp trên khen thưởng kịp thời nỗ lực của nhân viên | <input type="radio"/> |

V. Tiêu chí 5: Đồng nghiệp

| STT | Tiêu chí – Chỉ số đánh giá | Mức độ hài lòng | | | | |
|-----|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 25. | Đồng nghiệp có thái độ thân thiện và tác phong làm việc chuyên nghiệp | <input type="radio"/> |
| 26. | Đồng nghiệp trong đơn vị luôn chia sẻ và giúp đỡ tôi khi khó khăn | <input type="radio"/> |
| 27. | Đồng nghiệp khác đơn vị luôn sẵn sàng hỗ trợ tôi hoàn thành công việc | <input type="radio"/> |
| 28. | Tôi học hỏi được nhiều kiến thức và kỹ năng từ đồng nghiệp | <input type="radio"/> |

29. Thầy/Cô đánh giá mức độ hài lòng khi làm việc với các phòng ban

| STT | Đơn vị | Chưa liên hệ | Mức độ hài lòng | | | | |
|------|----------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 29.1 | Phòng Tổ chức - Hành chính | <input type="radio"/> |
| 29.2 | Phòng Tài chính - Kế toán | <input type="radio"/> |
| 29.3 | Phòng Đào tạo | <input type="radio"/> |



| | | | | | | | |
|-------|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 29.4 | Phòng Công tác chính trị và Quản lý sinh viên | <input type="radio"/> |
| 29.5 | Phòng NCKH - HTQT - TTr - PC | <input type="radio"/> |
| 29.6 | Phòng Quản trị - Thiết bị | <input type="radio"/> |
| 29.7 | Phòng Đảm bảo Chất lượng và Khảo thí | <input type="radio"/> |
| 29.8 | Trạm Y tế | <input type="radio"/> |
| 29.9 | Thư viện | <input type="radio"/> |
| 29.10 | Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học | <input type="radio"/> |
| 29.11 | Trung tâm Đào tạo - Bồi dưỡng | <input type="radio"/> |

30. Góp ý của Thầy/Cô để nâng cao mối quan hệ với đồng nghiệp? (không bắt buộc)

.....

.....

.....

.....

VI. Tiêu chí 6: Điều kiện và công tác hỗ trợ giảng dạy/nghiên cứu (dành cho giảng viên)

| STT | Tiêu chí – Chỉ số đánh giá | Mức độ hài lòng | | | | |
|-----|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 31. | Được phân công giờ giảng dạy công bằng | <input type="radio"/> |
| 32. | Được sắp xếp lịch giảng dạy hợp lý, khoa học | <input type="radio"/> |
| 33. | Bố trí phòng học | <input type="radio"/> |
| 34. | Được hỗ trợ kịp thời khi có sự cố về máy móc, thiết bị | <input type="radio"/> |
| 35. | Có đầy đủ trang thiết bị máy móc đáp ứng yêu cầu bài giảng | <input type="radio"/> |
| 36. | Có đầy đủ nội quy và quy định an toàn trong phòng thí nghiệm/xưởng thực hành | <input type="radio"/> |
| 37. | Có đầy đủ trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết | <input type="radio"/> |
| 38. | Được huấn luyện xử lý tình huống khẩn cấp khi xảy ra sự cố | <input type="radio"/> |
| 39. | Tôi hài lòng về điều kiện hỗ trợ nghiên cứu khoa học của Nhà trường (kinh phí, không gian, trang thiết bị máy móc,...) | <input type="radio"/> |
| 40. | Mức độ hài lòng về Tài liệu Thư viện cung cấp | <input type="radio"/> |

41. Tần suất sử dụng Thư viện của Thầy/Cô

- Chưa bao giờ sử dụng
- Hiếm khi sử dụng
- Thỉnh thoảng sử dụng
- Thường xuyên sử dụng
- Luôn luôn sử dụng

42. Những điều Thầy/Cô chưa hài lòng và mong muốn Thư viện cải tiến?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

**VII. Tiêu chí 7: Văn hóa Môi trường làm việc**

43. Thầy/Cô có đề xuất gì để cải tiến nâng cao chất lượng môi trường làm việc?

.....
.....
.....
.....

44. Thầy/Cô có đề xuất gì để nâng cao văn hóa chất lượng của Nhà trường?

.....
.....
.....
.....

VIII. Tiêu chí 8: Mức độ hài lòng với công việc

45. Thầy/Cô hài lòng với công việc hiện tại không?

- Rất hài lòng
- Hài lòng
- Không ý kiến
- Không hài lòng
- Rất không hài lòng

46. Thầy/Cô có ý định luân chuyển công việc không?

- Có Không

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Thầy/Cô!





PHIẾU KHẢO SÁT

Ý kiến của sinh viên năm thứ nhất về công tác tuyển sinh, nhập học

Nhằm tổng kết hoạt động tư vấn, tuyển sinh năm , Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ thân mời các em sinh viên tham gia trả lời “Phiếu khảo sát ý kiến của sinh viên năm nhất về công tác tuyển sinh, nhập học”.

I. THÔNG TIN CHUNG

Ngành học:

Giới tính: Nam Nữ

Bạn đến từ Tỉnh/Thành phố nào?

II. CÔNG TÁC TUYỂN SINH (*đánh dấu X vào phương án được lựa chọn*)

1. Bạn biết Trường Đại học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ qua các kênh thông tin nào?
(có thể chọn nhiều phương án)

- Website <https://ctuet.edu.vn> của Trường
- Website <https://tuyensinh.ctuet.edu.vn> của Trường
- Website thituyensinh.vn của BGD & ĐT
- Tự tìm kiếm trên internet, báo điện tử
- Thông tin qua mạng xã hội Facebook của Trường
- Do phụ huynh (ba mẹ, anh chị, người thân) giới thiệu
- Do đoàn tư vấn tuyển sinh của Trường đến tư vấn trực tiếp tại Trường THPT
- Do thầy cô THPT giới thiệu
- Do anh chị khóa trên, bạn bè giới thiệu
- Tham khảo được từ cẩm nang tuyển sinh (Báo Tuổi trẻ, Thanh niên, ...)
- Khác:

(Tùy câu 2 – 12: chọn 1 phương án)

| STT | Câu hỏi | Có | Không |
|-----|--|-----------------------|-----------------------|
| 2. | Bạn có tham gia các buổi tư vấn tuyển sinh của Trường không? | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 3. | Bạn có nhận được tờ rơi về thông tin tuyển sinh của Trường không? | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 4. | Bạn có biết thông tin ngành nghề của Trường không? | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 5. | Bạn có biết điểm chuẩn tuyển sinh của Trường trong các năm trước không? | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 6. | Thông tin trúng tuyển có thông báo đến bạn kịp thời không? | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |
| 7. | Hình thức thông báo điểm chuẩn tuyển sinh, thông tin xác nhận nhập học có phù hợp không? | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> |

8. Đánh giá chung của bạn về công tác tuyển sinh của Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ?

- | | |
|------------------------------------|--|
| <input type="radio"/> Rất hài lòng | <input type="radio"/> Không hài lòng |
| <input type="radio"/> Hài lòng | <input type="radio"/> Rất không hài lòng |
| <input type="radio"/> Không ý kiến | |

baby



II. CÔNG TÁC NHẬP HỌC CỦA TRƯỜNG (*đánh dấu X vào phương án được lựa chọn*)

| STT | Câu hỏi | Rất hài lòng | Hài lòng | Không ý kiến | Không hài lòng | Rất không hài lòng |
|-----|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 9. | Thủ tục, giấy tờ nhập học rõ ràng, dễ hiểu cho SV | <input type="radio"/> |
| 10. | Thời gian từ lúc nhận thông báo đến khi nhập học đủ cho bạn hoàn thiện hồ sơ, thủ tục | <input type="radio"/> |
| 11. | Công tác hướng dẫn, hỗ trợ nhập học | <input type="radio"/> |
| 12. | Thái độ phục vụ, tiếp đón của cán bộ, nhân viên | <input type="radio"/> |

13. Ý kiến đóng góp khác nhằm nâng cao chất lượng công tác tuyển sinh, nhập học:

Chân thành cảm ơn ý kiến đóng góp của các bạn!





PHIẾU KHẢO SÁT

Ý kiến của sinh viên về học phần lý thuyết và thực hành

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường, thân mời các bạn vui lòng đóng góp ý kiến của mình theo từng tiêu chí. Ý kiến phản hồi của các bạn được bảo mật và không ảnh hưởng đến kết quả học tập. Rất mong các bạn nêu ý kiến thẳng thắn, trung thực.

A. THÔNG TIN CHUNG

Tên lớp học phần:

Ngành học:

Họ và tên giảng viên: Học kỳ: Năm học:

B. NHẬN XÉT CỦA NGƯỜI HỌC (chọn duy nhất một ô thích hợp)

Bạn hãy tô đen ô lựa chọn theo suy nghĩ của bạn với mức độ đánh giá tương ứng theo thang điểm từ 1 đến 5 cho từng vấn đề trong quá trình học môn học:

(1- Rất không hài lòng; 2-Không hài lòng; 3-Không ý kiến; 4-Hài lòng; 5-Rất hài lòng)

| NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ | | MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ | | | | |
|---------------------------------|---|-----------------|---|---|---|---|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I. THÔNG TIN VỀ HỌC PHẦN | | | | | | |
| 1. | Môn học có sự cân bằng giữa lý thuyết và thực hành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 2. | Trình tự các phần là hợp lý | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 3. | Tài liệu được cung cấp/giới thiệu đáp ứng yêu cầu của nội dung bài giảng | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 4. | Giáo trình/bài giảng, tài liệu hướng dẫn thực hành thí nghiệm của học phần được biên soạn rõ ràng và phù hợp với mục tiêu của học phần (*) | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 5. | Đánh giá chung về học phần | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| II. HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 6. | Thực hiện giờ dạy trên lớp đúng quy định | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 7. | Giảng viên giới thiệu đề cương chi tiết, tài liệu tham khảo trong buổi lên lớp đầu tiên | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 8. | Giảng viên giải thích về ý nghĩa và khả năng ứng dụng của kiến thức liên quan đến học phần | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 9. | Giảng viên trình bày rõ ràng về yêu cầu năng lực sinh viên cần đạt được sau khi kết thúc học phần | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 10. | Giảng viên giảng dạy đúng theo đề cương chi tiết | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 11. | Nội dung bài giảng phù hợp với mục tiêu môn học | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 12. | Giảng viên trình bày nội dung học phần rõ ràng, dễ hiểu và lôi cuốn | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |



b/s



| | | | | | | |
|--|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 13. | Giảng viên khuyến khích suy nghĩ độc lập và ý kiến phản biện của sinh viên, khơi dậy khả năng sáng tạo của sinh viên | <input type="radio"/> |
| 14. | Giảng viên sử dụng hiệu quả phương tiện giảng dạy | <input type="radio"/> |
| 15. | Giảng viên giải đáp thắc mắc của sinh viên | <input type="radio"/> |
| 16. | Giảng viên thân thiện và gần gũi với sinh viên | <input type="radio"/> |
| 17. | Bạn hài lòng với phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần của giảng viên | <input type="radio"/> |
| 18. | Đánh giá chung của bạn về giảng viên | <input type="radio"/> |
| IV. CƠ SỞ VẬT CHẤT | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 19. | Tình hình vệ sinh, ánh sáng trong phòng là đạt yêu cầu | <input type="radio"/> |
| 20. | Trang thiết bị dạy học được cung cấp đầy đủ | <input type="radio"/> |
| 21. | <i>Phòng máy tính, phòng thực hành đáp ứng được nội dung môn học (*)</i> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | ANH PHÒNG |
| 22. | <i>Bạn hài lòng với phương tiện, thiết bị bảo hộ đảm bảo an toàn (*)</i> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | ANH PHÒNG | ĐIỂM |
| 23. | Đánh giá chung của bạn về cơ sở vật chất | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | <input type="radio"/> | ĐIỂM | ANH PHÒNG |
| V. HỌC PHẦN GIÚP BẠN PHÁT TRIỂN CÁC KỸ NĂNG SAU ĐÂY | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 24. | <i>Kỹ năng sử dụng các trang thiết bị thực hành, thí nghiệm (*)</i> | <input type="radio"/> |
| 25. | Kỹ năng giải quyết vấn đề | <input type="radio"/> |
| 26. | Kỹ năng tư duy sáng tạo | <input type="radio"/> |
| 27. | Kỹ năng thu thập, xử lý, đánh giá thông tin | <input type="radio"/> |
| 28. | Kỹ năng làm việc nhóm | <input type="radio"/> |
| 29. | Kỹ năng thuyết trình | <input type="radio"/> |
| 30. | Kỹ năng viết báo cáo | <input type="radio"/> |
| 31. | Kỹ năng làm việc độc lập | <input type="radio"/> |
| 32. | Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ | <input type="radio"/> |
| 33. | Kỹ năng sử dụng tin học | <input type="radio"/> |

34. Ý kiến khác để nhà trường cải tiến chất lượng đào tạo, cơ sở vật chất

.....

.....

.....

.....

.....

Cảm ơn các bạn đã tham gia trả lời và đóng góp cho sự phát triển của Nhà trường!
Ghi chú: () : môn học có thực hành, thí nghiệm*



PHIẾU KHẢO SÁT
Ý kiến của sinh viên về chất lượng học phần đồ án, tiểu luận, luận văn

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường thân mời các em sinh viên đóng góp ý kiến về chất lượng học phần. Rất mong các em góp ý thẳng thắn và trung thực.

A. THÔNG TIN CHUNG

Tên học phần:.....

Ngành học:.....

Giảng viên hướng dẫn: Học kỳ:... Năm học: 20..... – 20.....

B. NHẬN XÉT CỦA NGƯỜI HỌC

Bạn hãy tô đen một ô lựa chọn cho từng câu trả lời của các tiêu chí theo mức độ hài lòng như sau:

1- Rất không hài lòng; 2-Không hài lòng; 3-Không ý kiến; 4-Hài lòng; 5-Rất hài lòng

I. Tiêu chí 1: Quy trình thực hiện (Bắt buộc trả lời)

| TT | Tiêu chí - Chỉ số đánh giá | Mức độ hài lòng | | | | |
|----|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1 | Khoa/bộ môn có quy định rõ ràng về việc hướng dẫn SV thực hiện các môn đồ án/tiểu luận/lý luận văn | <input type="radio"/> |
| 2 | Mẫu báo cáo được công bố rộng rãi (trên website trường/khoa, thông báo qua email, ...) | <input type="radio"/> |

3. Việc đăng ký đề tài được thực hiện vào:

- Tuần đầu tiên của học kỳ
- Tuần thứ 2 của học kỳ
- Tuần thứ 3 của học kỳ
- Tuần thứ 4 của học kỳ
- Sau 4 tuần của học kỳ

4. Bạn được tự đề xuất đề tài hoặc được chỉ định đề tài?

- Được tự đề xuất
- Được lựa chọn trong danh sách
- Được chỉ định
- Ý kiến khác (cụ thể).....

5. Việc sắp xếp GV hướng dẫn được thực hiện như thế nào?

- Bạn được tự chọn GV hướng dẫn phù hợp với hướng nghiên cứu của đề tài
- Khoa/bộ môn chỉ định GV cho bạn
- Ý kiến khác:

6. Bạn có được tạo điều kiện sử dụng các trang thiết bị/máy móc/nhà xưởng/phòng thí nghiệm trong quá trình thực hiện đồ án/tiểu luận/lý luận văn không?

- Bạn không có nhu cầu
- Bạn đề xuất nhưng hoàn toàn không được sử dụng
- Bạn đề xuất và được sử dụng hạn chế



b4



- Bạn đề xuất và được sử dụng theo nhu cầu
 Ý kiến khác:

II. Tiêu chí 2: Hướng dẫn của Giảng viên (Bắt buộc trả lời)

7. Bạn báo cáo tiến độ thực hiện đồ án/tiểu luận/luận văn định kỳ như thế nào:

- 1 tuần/1 lần 2 tuần/1 lần
 Gặp GV khi có vấn đề cần hướng dẫn
 Khác:

8. Thời lượng trung bình mỗi buổi báo cáo tiến độ với GV:

- Khoảng 15 phút Khoảng 30 phút
 Khoảng 1 giờ Từ 1 giờ trở lên
 Khác:

9. Hình thức trao đổi giữa bạn và GV (có thể chọn nhiều phương án)

- Gặp và trao đổi trực tiếp
 Trao đổi qua mạng Internet (email, facebook, messenger, viber, zalo, v.v)
 Điện thoại
 Khác:

| TT | Tiêu chí - Chỉ số đánh giá | Mức độ hài lòng | | | | |
|----|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 10 | Bạn được hướng dẫn đầy đủ về cách thức thực hiện (nội dung, hình thức) đồ án/tiểu luận/luận văn | <input type="radio"/> |
| 11 | Bạn được cung cấp đầy đủ các tài liệu tham khảo để thực hiện đồ án/tiểu luận/luận văn | <input type="radio"/> |
| 12 | Bạn được hướng dẫn tận tình | <input type="radio"/> |
| 13 | Bạn được phổ biến đầy đủ về tiêu chí đánh giá đồ án/tiểu luận/luận văn | <input type="radio"/> |
| 14 | GV đánh giá/chấm điểm đồ án công bằng và khách quan | <input type="radio"/> |
| 15 | Bạn hài lòng về GV hướng dẫn | <input type="radio"/> |



III. Tiêu chí 3: Các ý kiến khác (Không bắt buộc trả lời)

16. Những điều bạn hài lòng trong quá trình thực hiện đồ án/khoa luận:

.....
.....
.....
.....
.....

17. Những điều bạn chưa hài lòng và đề xuất cải tiến khi thực hiện đồ án/khoa luận:

.....
.....
.....
.....
.....

Cảm ơn các bạn đã tham gia và đóng góp cho sự phát triển của Nhà trường!

HN



PHIẾU KHẢO SÁT

Ý kiến của sinh viên năm cuối về chất lượng đào tạo

Nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường thân mời các em sinh viên đóng góp ý kiến về chất lượng đào tạo. Rất mong các em góp ý thẳng thắn và trung thực.

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NGƯỜI HỌC

Ngành học: Khóa học: 20..... - 20.....

II. NHẬN XÉT CỦA NGƯỜI HỌC (*Chọn ô thích hợp*)

1-Rất không hài lòng; 2-Không hài lòng; 3-Không ý kiến; 4-Hài lòng; 5- Rất hài lòng

| TT | Tiêu chí – Chỉ số đánh giá | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
|--|--|---|---|---|---|---|
| Tiêu chí 1: Mục tiêu và nội dung chương trình đào tạo | | | | | | |
| 1. | Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp với chuẩn đầu ra | O | O | O | O | O |
| 2. | Khối lượng kiến thức đại cương, cơ sở ngành, chuyên ngành | O | O | O | O | O |
| 3. | Trình tự các học phần của chương trình đào tạo được phân bổ hợp lý | O | O | O | O | O |
| 4. | Phân bổ tỷ lệ lý thuyết và thực hành của học phần | O | O | O | O | O |
| Tiêu chí 2: Tài liệu học tập và cơ sở vật chất | | | | | | |
| 5. | Chất lượng của phòng học lý thuyết (bàn ghế, không gian, quạt, ánh sáng, thiết bị nghe nhìn...) | O | O | O | O | O |
| 6. | Trang thiết bị thí nghiệm, thực hành phục vụ học tập và nghiên cứu của sinh viên | O | O | O | O | O |
| 7. | Chất lượng WiFi phục vụ cho công tác học tập, nghiên cứu | O | O | O | O | O |
| 8. | Tài liệu, sách, giáo trình của thư viện (hay thư viện số) phục vụ nhu cầu học tập và nghiên cứu | O | O | O | O | O |
| 9. | Không gian thư viện phục vụ tự học, làm việc nhóm | O | O | O | O | O |
| 10. | Môi trường, cảnh quan của trường (khu vui chơi, giải trí, căn tin, nhà xe) | O | O | O | O | O |
| Tiêu chí 3: Đội ngũ giảng viên | | | | | | |
| 11. | Nội dung và phương pháp giảng dạy của giảng viên | O | O | O | O | O |
| 12. | Tài liệu phục vụ giảng dạy, học tập và sử dụng phương tiện dạy học của giảng viên | O | O | O | O | O |
| 13. | Trách nhiệm và sự nhiệt tình của giảng viên đối với người học và thời gian giảng dạy của giảng viên | O | O | O | O | O |
| 14. | Khả năng của giảng viên trong việc khuyến khích sáng tạo, tư duy độc lập của sinh viên trong quá trình học tập | O | O | O | O | O |
| 15. | Sự công bằng của giảng viên trong kiểm tra đánh giá quá trình và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của sinh viên | O | O | O | O | O |
| 16. | Năng lực của giảng viên trong tổ chức, hướng dẫn và tư vấn hoạt động cho sinh viên | O | O | O | O | O |
| 17. | Tác phong sư phạm của giảng viên | O | O | O | O | O |
| Tiêu chí 4: Tổ chức và quản lý đào tạo | | | | | | |
| 18. | Thời gian đăng ký học phần | O | O | O | O | O |



| | | | | | | |
|-----|--|---|---|---|---|---|
| 19. | Kế hoạch triển khai và tổ chức học phần thực tập ngoài trường | o | o | o | o | o |
| 20. | Lịch thi kết thúc học phần | o | o | o | o | o |
| 21. | Thời gian đánh giá điểm rèn luyện | o | o | o | o | o |
| 22. | Cách thức và phương tiện thu các khoản học phí, lệ phí của Nhà trường | o | o | o | o | o |
| 23. | Thực hiện đúng hạn, đúng qui định việc chi trả học bổng, trợ cấp cho sinh viên | o | o | o | o | o |
| 24. | Bạn có hài lòng về các khoản học phí của trường? | o | o | o | o | o |

Tiêu chí 5: Hoạt động hỗ trợ người học

| | | | | | | |
|-----|--|---|---|---|---|---|
| 25. | Vai trò, trách nhiệm của cố vấn học tập | o | o | o | o | o |
| 26. | Các hoạt động hướng nghiệp, cơ hội việc làm cho sinh viên | o | o | o | o | o |
| 27. | Thái độ của cán bộ, nhân viên các phòng, khoa, trung tâm | o | o | o | o | o |
| 28. | Chế độ chăm sóc sức khỏe | o | o | o | o | o |
| 29. | Giải quyết các loại đơn, thủ tục hành chính | o | o | o | o | o |
| 30. | Các hoạt động phong trào của Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên | o | o | o | o | o |
| 31. | Tổ chức có hiệu quả các buổi đối thoại trực tiếp giữa sinh viên với lãnh đạo nhà trường, các tổ chức Đoàn, Hội sinh viên | o | o | o | o | o |

Tiêu chí 6: Hoạt động nghiên cứu khoa học

| | | | | | | |
|-----|---|---|---|---|---|---|
| 32. | Môi trường nghiên cứu dành cho sinh viên | o | o | o | o | o |
| 33. | Khả năng hướng dẫn NCKH của giảng viên | o | o | o | o | o |
| 34. | Cơ chế chính sách động viên NCKH của Trường | o | o | o | o | o |
| 35. | Qui trình hướng dẫn và thủ tục quản lý NCKH | o | o | o | o | o |
| 36. | Số lượng và chất lượng NCKH của sinh viên | o | o | o | o | o |

Tiêu chí 7: Nhận xét của bản thân

| | | | | | | |
|-----|--|---|---|---|---|---|
| 37. | Mức độ tự tin về kiến thức, kỹ năng khi tốt nghiệp | o | o | o | o | o |
| 38. | Mức độ hài lòng về chất lượng đào tạo của Trường | o | o | o | o | o |

Tiêu chí 8: Ý kiến đóng góp cho sự phát triển của trường

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Cảm ơn các em đã tham gia và đóng góp cho sự phát triển của Nhà trường!

b4



PHIẾU KHẢO SÁT

Ý kiến của cựu sinh viên về việc làm và chất lượng đào tạo

Nhằm không ngừng cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu thị trường lao động trong thời kỳ hội nhập khu vực và thế giới, Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ gửi đến quý anh/chị “**Phiếu khảo sát ý kiến của cựu sinh viên về việc làm và chất lượng đào tạo**”. Thông tin trên phiếu được bảo mật và chỉ dùng để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

I. THÔNG TIN CHUNG

Họ và tên: Giới tính: Nam Nữ

Ngày tháng năm sinh: Điện thoại: Email:

Ngành đào tạo: Khóa: 20.... – 20.....

Tên cơ quan công tác:

Địa chỉ

II. TÌNH HÌNH VIỆC LÀM

Anh/ Chị vui lòng đánh dấu X vào ô lựa chọn

1. Tình hình việc làm của anh/chị hiện nay như thế nào? (*Nếu trả lời có việc làm thì tiếp tục trả lời câu hỏi 2 – 8, nếu trả lời chưa có việc làm vui lòng chuyển đến trả lời câu hỏi số 9*)

- Đang có việc làm
- Chưa có việc làm
- Chưa có việc làm nhưng đang học nâng cao

2. Anh/chị có việc làm khi nào?

- Sau 6 tháng tốt nghiệp
- Sau 12 tháng tốt nghiệp

3. Lĩnh vực việc làm hiện tại của anh/chị đối với chuyên ngành đào tạo?

- Đúng ngành
- Trái ngành

4. Hiện nay anh/chị đang làm việc cho loại hình cơ quan/doanh nghiệp nào?

- Cơ quan/doanh nghiệp nhà nước
- Cơ quan/doanh nghiệp tư nhân
- Cơ quan/doanh nghiệp liên doanh nước ngoài
- Tự tạo việc làm

5. Anh/chị có học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo chuyên ngành tốt nghiệp?

- Đã học được
- Chỉ học được một phần
- Không học được

6. Anh/chị có được việc làm do các yếu tố sau (có thể chọn nhiều phương án):

- Trình độ chuyên môn
- Trình độ ngoại ngữ
- Trình độ tin học
- Kinh nghiệm làm việc
- Ý thức, thái độ
- Sức khỏe
- Kỹ năng mềm
- Sự ưu tiên/quen biết/giới thiệu của người thân
- Yếu tố khác (nêu rõ).....

7. Tổng thu nhập bình quân/tháng của anh/chị hiện nay là: *b*



8. Anh/chị có đáp ứng yêu cầu của công việc không?

- Có
- Cơ bản đáp ứng nhưng cần đào tạo thêm
- Phải đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng

9. Nếu anh/chị chưa có việc làm, xin cho biết nguyên nhân (có thể chọn nhiều phương án)

- | | |
|--|--|
| <input type="checkbox"/> Tiếp tục đi học | <input type="checkbox"/> Chưa có ý định đi tìm việc |
| <input type="checkbox"/> Nhu cầu tuyển dụng ít | <input type="checkbox"/> Thừa lao động |
| <input type="checkbox"/> Thiếu kinh nghiệm làm việc | <input type="checkbox"/> Trình độ ngoại ngữ chưa đáp ứng |
| <input type="checkbox"/> Thiếu thông tin/hiểu biết về việc làm | |

III. ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO

Anh/chị hãy cho biết mức độ hài lòng theo thang điểm:

1. Rất không hài lòng; 2. Không hài lòng; 3. Không ý kiến; 4. Hài lòng; 5. Rất hài lòng.

| STT | Tiêu chí – chỉ số đánh giá | Mức độ hài lòng | | | | |
|-----|--|-----------------|---|---|---|---|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 10. | Anh/chị có hài lòng với chương trình đào tạo đã học không? | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 11. | Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo đáp ứng yêu cầu công việc của anh/chị | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 12. | Kiến thức chuyên ngành được đào tạo tại trường đáp ứng yêu cầu công việc của anh/chị | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 13. | Nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo cân đối giữa kiến thức - kỹ năng đại cương và kiến thức - kỹ năng chuyên ngành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 14. | Nội dung chương trình có tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 15. | Số lượng môn học, số lượng tín chỉ của chương trình phù hợp | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 16. | Thời gian đào tạo của chương trình phù hợp | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 17. | Kiến thức, kỹ năng học được ở trường giúp anh/chị dễ dàng phát triển nghề nghiệp và năng lực học tập suốt đời | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 18. | Kỹ năng về công nghệ thông tin được đào tạo tại trường đáp ứng yêu cầu công việc của anh/chị | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 19. | Các kỹ năng mềm (làm việc nhóm, giao tiếp-thuyết trình, tư duy phản biện, nghiên cứu khoa học,...) được đào tạo tại trường đáp ứng yêu cầu công việc của anh/chị | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 20. | Năng lực ngoại ngữ được tích lũy tại trường đáp ứng yêu cầu công việc của anh/chị | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 21. | Đồ án tốt nghiệp và thực tập tốt nghiệp giúp anh/chị dễ dàng phát triển nghề nghiệp | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 22. | Anh/chị có hài lòng với phương pháp giảng dạy của giảng viên không? | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 23. | Anh/chị có hài lòng với phương pháp kiểm tra, đánh giá học phần của giảng viên không? | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
| 24. | Anh/Chị có hài lòng với tài liệu học tập, tài liệu tham khảo, trang thiết bị thí nghiệm phục vụ học tập và nghiên cứu | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |

THÀNH
JÖNG
THI HỌC
THUẬT
CÔNG NGHỆ
CẦN THƠ



25. Theo Anh/chị, nội dung chương trình đào tạo của ngành đã học cần được cải tiến ở các phần nào sau đây (có thể chọn nhiều phương án):

- | | | |
|--|--|---|
| <input type="checkbox"/> Thực hành | <input type="checkbox"/> Các môn cơ sở ngành | <input type="checkbox"/> Các môn chuyên ngành |
| <input type="checkbox"/> Các môn khoa học cơ bản | <input type="checkbox"/> Tham quan thực tế | <input type="checkbox"/> Kỹ năng mềm |
| <input type="checkbox"/> Đò án/luận văn tốt nghiệp | <input type="checkbox"/> Thực tập tốt nghiệp | <input type="checkbox"/> Đò án môn học/đò án thiết kế |

26. Theo Anh/chị cần cải tiến gì về cơ sở vật chất để nâng cao chất lượng đào tạo? (có thể chọn nhiều phương án):

- Thư viện, thư viện số
 - Phòng thí nghiệm
 - Phòng máy tính
 - Mạng internet
 - Phòng học lý thuyết
 - Khu giải trí, thể thao...
 - Hệ thống quản lý online
 - Giáo trình, tài liệu tham khảo

27. Các ý kiến đóng góp khác của anh/chị (nếu có):

PHỐ CẨM
HÀ

Chân thành cảm ơn sự hợp tác và ý kiến đóng góp của Anh/Chị!

Dành cho CB/QA:

Số phiếu: Ngày gửi phiếu: Ngày nhận phiếu:

Hình thức khảo sát:

Hỏi tháo Email Điện thoại PV trực tiếp khác.....



PHIẾU KHẢO SÁT

Ý kiến của nhà tuyển dụng về sinh viên tốt nghiệp

Nhằm khảo sát mức độ đáp ứng công việc của sinh viên tốt nghiệp tại Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ đang làm việc tại Quý cơ quan/doanh nghiệp. Nhà trường rất mong đón nhận được những ý kiến phản hồi của Quý cơ quan/doanh nghiệp về các nội dung được nêu dưới đây.

Chúng tôi xin cam đoan các thông tin này hoàn toàn được bảo mật và chỉ được sử dụng cho mục đích khảo sát, kiểm định chất lượng giáo dục của Nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

A. THÔNG TIN NHÀ TUYỂN DỤNG

Họ và tên: Chức vụ:

Tên cơ quan:

Địa chỉ:

Điện thoại: Email:

1. Quý cơ quan/doanh nghiệp hoạt động theo loại hình tổ chức nào?

- | | | |
|--------------------------------|---|---|
| <input type="radio"/> Nhà nước | <input type="radio"/> Liên doanh | <input type="radio"/> Tổ chức phi chính phủ |
| <input type="radio"/> Cổ phần | <input type="radio"/> Trách nhiệm hữu hạn | <input type="radio"/> Loại hình khác (ghi rõ) |
| <input type="radio"/> Tư nhân | <input type="radio"/> 100% vốn nước ngoài | |

2. Lĩnh vực hoạt động của Quý cơ quan/doanh nghiệp:

- | | |
|---|--|
| <input type="radio"/> Công nghiệp, Đầu tư và Xây dựng | <input type="radio"/> Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản |
| <input type="radio"/> Thương mại và Du lịch | <input type="radio"/> Vận tải và Bưu chính, Viễn thông, CNTT |
| <input type="radio"/> Giáo dục | <input type="radio"/> Y tế |
| <input type="radio"/> Lĩnh vực khác (ghi rõ):..... | |

3. Vị trí công việc của các cựu sinh viên tại Quý cơ quan/doanh nghiệp: (Có thể chọn nhiều phương án)

- | | | |
|--|--|---|
| <input type="checkbox"/> Nhân viên văn phòng | <input type="checkbox"/> Nhân viên kỹ thuật | <input type="checkbox"/> Quản lý kỹ thuật |
| <input type="checkbox"/> Lãnh đạo | <input type="checkbox"/> Khác (ghi rõ):..... | |

4. Số lượng cựu sinh viên đang công tác tại Quý cơ quan/doanh nghiệp:**5. Phạm vi hoạt động của Quý cơ quan/doanh nghiệp:**

- | | | |
|----------------------------------|----------------------------------|--|
| <input type="radio"/> Trong nước | <input type="radio"/> Ngoài nước | <input type="radio"/> Cả trong và ngoài nước |
|----------------------------------|----------------------------------|--|

6. Nhu cầu tuyển dụng theo chuyên ngành của Quý cơ quan/doanh nghiệp trong thời gian sắp tới? (Có thể chọn nhiều phương án)

- | | |
|---|---|
| <input type="checkbox"/> Khoa học máy tính | <input type="checkbox"/> Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng |
| <input type="checkbox"/> Kỹ thuật phần mềm | <input type="checkbox"/> Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| <input type="checkbox"/> Hệ thống thông tin | <input type="checkbox"/> Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử |
| <input type="checkbox"/> Quản lý công nghiệp | <input type="checkbox"/> Công nghệ thực phẩm |
| <input type="checkbox"/> Kỹ thuật hệ thống công nghiệp | <input type="checkbox"/> Công nghệ sinh học |
| <input type="checkbox"/> Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | <input type="checkbox"/> Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng |
| <input type="checkbox"/> Quản lý xây dựng | <input type="checkbox"/> Khoa học dữ liệu |

By

**B. ĐÁNH GIÁ VỀ SINH VIÊN TỐT NGHIỆP**

Quý cơ quan/doanh nghiệp vui lòng đánh giá mức độ đáp ứng của sinh viên tốt nghiệp tại Trường Đại học Kỹ thuật – Công nghệ Cần Thơ

7. Quý cơ quan/doanh nghiệp đã tuyển dụng sinh viên tốt nghiệp tại Trường Đại học Kỹ Thuật – Công nghệ Cần Thơ thuộc ngành đào tạo: (*Chọn duy nhất một phương án*)

- | | |
|--|--|
| <input type="radio"/> Khoa học máy tính | <input type="radio"/> Quản lý xây dựng |
| <input type="radio"/> Kỹ thuật phần mềm | <input type="radio"/> Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng |
| <input type="radio"/> Hệ thống thông tin | <input type="radio"/> Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa |
| <input type="radio"/> Quản lý công nghiệp | <input type="radio"/> Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử |
| <input type="radio"/> Kỹ thuật hệ thống công nghiệp | <input type="radio"/> Công nghệ thực phẩm |
| <input type="radio"/> Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử | |

(1 = Kém 2 = Yếu 3 = Trung bình 4 = Khá 5 = Tốt)

| STT | NỘI DUNG NHẬN XÉT | MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ | | | | |
|---------------------------------|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| I. Về kiến thức, kỹ năng | | | | | | |
| 8. | Kiến thức chuyên ngành | <input type="radio"/> |
| 9. | Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ | <input type="radio"/> |
| 10. | Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin | <input type="radio"/> |
| 11. | Kỹ năng vận hành, sử dụng trang thiết bị hiện đại | <input type="radio"/> |
| 12. | Kỹ năng xác định mục tiêu công việc | <input type="radio"/> |
| 13. | Kỹ năng lập kế hoạch, điều phối | <input type="radio"/> |
| 14. | Kỹ năng giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn được đào tạo | <input type="radio"/> |
| 15. | Kỹ năng làm việc độc lập, sáng tạo | <input type="radio"/> |
| 16. | Kỹ năng làm việc nhóm | <input type="radio"/> |
| 17. | Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình | <input type="radio"/> |
| 18. | Kỹ năng lãnh đạo | <input type="radio"/> |
| 19. | Kỹ năng viết báo cáo | <input type="radio"/> |
| 20. | Kỹ năng thu thập, phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin | <input type="radio"/> |
| II. Về thái độ | | | | | | |
| 21. | Hăng hái, nhiệt tình đối với công việc | <input type="radio"/> |
| 22. | Năng động, sáng tạo trong công việc | <input type="radio"/> |
| 23. | Có tinh thần học hỏi, khắc phục mọi khó khăn để vươn lên | <input type="radio"/> |
| 24. | Có ý thức tổ chức kỷ luật, đạo đức nghề nghiệp | <input type="radio"/> |
| 25. | Có ý thức bảo vệ môi trường | <input type="radio"/> |

26. Quý cơ quan/doanh nghiệp vui lòng đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên đã tốt nghiệp tại Trường?

- Đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay
- Cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc nhưng phải đào tạo thêm
- Phải đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng

27. Nếu cần đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung thì cần đào tạo về nội dung gì? (*Có thể chọn nhiều phương án*)

- Kiến thức chuyên môn
- Kỹ năng nghiệp vụ
- Kỹ năng mềm
- Công nghệ thông tin
- Ngoại ngữ
- Khác (ghi rõ):.....

b4



C. Các ý kiến đóng góp khác

bony

Chân thành cảm ơn ý kiến đóng ý của Quý cơ quan/doanh nghiệp!



PHIẾU KHẢO SÁT

Ý kiến của giảng viên về hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học

Nhằm nâng cao chất lượng giáo dục, Nhà trường kính gửi đến quý Thầy/Cô “Phiếu khảo sát ý kiến của cán bộ, giảng viên về hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học”. Thông tin trên phiếu được bảo mật và chỉ dùng để cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo.

A. THÔNG TIN CHUNG

Trình độ/ học vị:

- | | |
|--|-------------------------------|
| <input type="radio"/> Giáo sư, Viện sĩ | <input type="radio"/> Tiến sĩ |
| <input type="radio"/> Phó giáo sư | <input type="radio"/> Thạc sĩ |
| <input type="radio"/> Tiến sĩ khoa học | <input type="radio"/> Đại học |

Giới tính: Nam Nữ

Tuổi:

- | | |
|------------------------------------|------------------------------------|
| <input type="radio"/> < 30 tuổi | <input type="radio"/> 51 – 60 tuổi |
| <input type="radio"/> 30 – 40 tuổi | <input type="radio"/> > 60 tuổi |
| <input type="radio"/> 41 – 50 tuổi | |

Ngày khảo sát:

B. NỘI DUNG KHẢO SÁT

Quý Thầy/ Cô vui lòng cho biết mức độ hài lòng bằng cách tô đen vào một ô thích hợp cho từng câu trả lời của các tiêu chí theo mức độ hài lòng như sau:

1. Rất không hài lòng; 2. Không hài lòng; 3. Không ý kiến; 4. Hài lòng; 5. Rất hài lòng

I. HOẠT ĐỘNG ĐÀO TẠO

| Nội dung nhận xét | Mức độ hài lòng | | | | |
|---|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 1. Hằng năm, Thầy/Cô được thông báo kịp thời, đầy đủ và tạo điều kiện thuận lợi để tham dự các khóa tập huấn về chuyên môn hoặc bồi dưỡng nghiệp vụ | <input type="radio"/> |
| 2. Chất lượng các khóa tập huấn, bồi dưỡng phù hợp và đáp ứng yêu cầu của Thầy/Cô | <input type="radio"/> |
| 3. Thầy/Cô được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia các seminar, hội thảo, hoạt động NCKH và đảm bảo chất lượng | <input type="radio"/> |
| 4. Hằng năm, Thầy/Cô được yêu cầu xây dựng kế hoạch về nhiệm vụ và bồi dưỡng, tập huấn | <input type="radio"/> |
| 5. Thầy/Cô được phân công giảng dạy và phân công các nhiệm vụ khác phù hợp với bằng cấp, năng lực và kinh nghiệm | <input type="radio"/> |
| 6. Trong năm học qua, Thầy/Cô được tham gia thảo luận về chương trình đào tạo qua các hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp | <input type="radio"/> |
| 7. Thầy/Cô được phổ biến về mục tiêu, kết quả học tập mong đợi (chuẩn đầu ra) của chương trình đào tạo | <input type="radio"/> |



| | | | | | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| 8. Thầy/Cô nắm rõ các yêu cầu về việc xây dựng và phổ biến đề cương học phần cho sinh viên | <input type="radio"/> |
| 9. Thầy/Cô được yêu cầu sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy, chú trọng việc tổ chức học tập thông qua hoạt động | <input type="radio"/> |
| 10. Thầy/Cô được phổ biến chiến lược dạy và học của CTĐT | <input type="radio"/> |
| 11. Kết quả học tập mong đợi của CTĐT bao gồm đầy đủ kiến thức-kỹ năng đại cương và kiến thức- kỹ năng chuyên ngành | <input type="radio"/> |
| 12. Nội dung, cấu trúc CTĐT cân đối giữa kiến thức, kỹ năng đại cương và kiến thức, kỹ năng chuyên ngành | <input type="radio"/> |
| 13. Nội dung CTĐT được cập nhật thường xuyên | <input type="radio"/> |
| 14. Nội dung CTĐT có tỷ lệ hợp lý giữa lý thuyết và thực hành | <input type="radio"/> |
| 15. Thời gian đào tạo của chương trình là phù hợp | <input type="radio"/> |
| 16. Số lượng học phần, số lượng tín chỉ của CTĐT là phù hợp | <input type="radio"/> |
| 17. Mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ cho công tác giảng dạy và nghiên cứu | <input type="radio"/> |
| 18. Mức độ thường xuyên sử dụng tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu | <input type="radio"/> |
| 19. Hoạt động dạy và học diễn ra đúng kế hoạch | <input type="radio"/> |
| 20. Hoạt động giảng dạy được sinh viên phản hồi, đánh giá thường xuyên | <input type="radio"/> |
| 21. Thầy/Cô nhận được kết quả đánh giá của sinh viên về hoạt động giảng dạy của mình | <input type="radio"/> |
| 22. Thầy/Cô có đủ các điều kiện thuận lợi để phản hồi, đánh giá về hoạt động đào tạo và chất lượng phục vụ dạy học của Trường/Đơn vị | <input type="radio"/> |
| 23. Thầy/Cô được tạo điều kiện thuận lợi để tham gia đánh giá đồ án, luận văn tốt nghiệp và hướng dẫn sinh viên nghiên cứu khoa học | <input type="radio"/> |
| 24. Hầu hết sinh viên tích cực trong hoạt động nghiên cứu khoa học | <input type="radio"/> |
| 25. Hầu hết sinh viên có thái độ và động lực học tập tốt, chủ động trong tiếp thu kiến thức và tìm kiếm sự hợp tác | <input type="radio"/> |
| 26. Hầu hết sinh viên tích cực trong các hoạt động ngoài giờ và hoạt động xã hội | <input type="radio"/> |
| 27. Sinh viên có nhiều cơ hội về học bổng và giao lưu học thuật | <input type="radio"/> |
| 28. Chính sách tuyển sinh của Trường/Đơn vị là phù hợp để đảm bảo chất lượng đầu vào đáp ứng yêu cầu đào tạo | <input type="radio"/> |
| 29. So với năm trước, sinh viên tốt nghiệp là tốt hơn | <input type="radio"/> |
| 30. Sinh viên có ưu điểm về các kỹ năng: | | | | | |
| - Kỹ năng sử dụng ngoại ngữ | <input type="radio"/> |
| - Kỹ năng sử dụng tin học | <input type="radio"/> |
| - Kỹ năng giao tiếp thuyết trình | <input type="radio"/> |
| - Kỹ năng lập kế hoạch, giải quyết vấn đề | <input type="radio"/> |
| - Kỹ năng làm việc theo nhóm | <input type="radio"/> |
| - Kỹ năng làm việc độc lập, tự nghiên cứu | <input type="radio"/> |
| - Kỹ năng viết báo cáo | <input type="radio"/> |
| - Kỹ năng thu thập, xử lý, đánh giá thông tin | <input type="radio"/> |
| - Kỹ năng tư duy phản biện | <input type="radio"/> |



| | | | | | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| - Kỹ năng lãnh đạo | <input type="radio"/> |
| 31. Thầy/Cô luôn được hỗ trợ nhiệt tình và hiệu quả từ cán bộ phục vụ (văn thư, giáo vụ, thư viện,...) của các đơn vị | <input type="radio"/> |
| 32. Thầy/Cô luôn được hỗ trợ nhiệt tình và hiệu quả từ cán bộ phụ trách cơ sở vật chất (giảng đường, phòng học, phòng máy, phòng thí nghiệm, các trang thiết bị dạy học,...) | <input type="radio"/> |
| 33. Thầy/Cô được cung cấp đầy đủ phòng học, phòng thí nghiệm/thực hành, phòng tư vấn sinh viên ngoài giờ | <input type="radio"/> |
| 34. Điều kiện phòng học/phòng thí nghiệm, trang thiết bị dạy học (máy tính, máy chiếu, dụng cụ thí nghiệm, hóa chất,...) luôn trong tình trạng tốt, đáp ứng việc giảng dạy | <input type="radio"/> |
| 35. Thư viện Trường có đầy đủ và cập nhật về tài liệu chuyên môn phục vụ giảng dạy và nghiên cứu khoa học | <input type="radio"/> |
| 36. Hệ thống phần mềm quản lý đào tạo thuận tiện, hợp lý, chính xác | <input type="radio"/> |
| 37. Các quy định về ra đề, chấm bài thi, phúc khảo, quản lý bài thi hợp lý | <input type="radio"/> |

II. HOẠT ĐỘNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

| Nội dung nhận xét | Mức độ hài lòng | | | | |
|--|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 |
| 38. Nhà trường có triển khai các nhóm nghiên cứu tại Trường | <input type="radio"/> |
| 39. Kinh phí hỗ trợ cho nghiên cứu các đề tài khoa học | <input type="radio"/> |
| 40. Nhà trường hỗ trợ tích cực trong suốt quá trình nghiên cứu | <input type="radio"/> |
| 41. Cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng (trang thiết bị máy móc, công nghệ thông tin, ...) phục vụ cho NCKH | <input type="radio"/> |
| 42. Nhà trường thường xuyên tổ chức các hội thảo khoa học, báo cáo đề tài nghiên cứu của cán bộ, giảng viên | <input type="radio"/> |
| 43. Nhà trường giao lưu trao đổi trong và ngoài nước về đề tài khoa học | <input type="radio"/> |
| 44. Nhà trường có quy tụ đội ngũ giảng viên, cán bộ NCKH có kinh nghiệm | <input type="radio"/> |
| 45. Hàng năm đội ngũ giảng viên, cán bộ NCKH có tăng về số lượng cho sự phát triển NCKH | <input type="radio"/> |
| 46. Hàng năm đội ngũ giảng viên, cán bộ NCKH tăng về chất lượng cho sự phát triển NCKH | <input type="radio"/> |
| 47. Sinh viên tại trường thực hiện các đề tài NCKH cấp trường và cấp khoa | <input type="radio"/> |
| 48. Đề tài nghiên cứu hướng đến phục vụ cộng đồng | <input type="radio"/> |
| 49. Mục tiêu nghiên cứu được xác định rõ ràng | <input type="radio"/> |
| 50. Tên đề tài thể hiện rõ nội dung nghiên cứu | <input type="radio"/> |
| 51. Đề tài nghiên cứu có ý nghĩa khoa học | <input type="radio"/> |
| 52. Đề tài nghiên cứu có giá trị thực tiễn | <input type="radio"/> |
| 53. Đề tài nghiên cứu có tính ứng dụng khả thi | <input type="radio"/> |
| 54. Đề tài nghiên cứu phù hợp với năng lực của nhà nghiên cứu | <input type="radio"/> |
| 55. Có sự liên kết giữa các lĩnh vực khoa học để khai thác thế mạnh | <input type="radio"/> |
| 56. Nội dung bài báo cáo khoa học trình bày rõ ràng, đầy đủ (bảng số liệu, bảng tóm tắt kết quả, biểu đồ...) | <input type="radio"/> |
| 57. Nội dung bài báo cáo khoa học tập trung vào đề tài | <input type="radio"/> |
| 58. Đối tác sẵn sàng tiếp nhận kết quả nghiên cứu của các đề tài NCKH | <input type="radio"/> |
| 59. Hầu hết đề tài NCKH của SV, CBGV ứng dụng ngay vào thực tiễn | <input type="radio"/> |

THÀNH
TỔNG
HỌC
HUẬT
NGHỆ
THÔ



60. Đề xuất giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ NCKH vững mạnh, đồng bộ, đủ về số lượng, mạnh về chất lượng, cơ cấu hợp lý để đáp ứng nhu cầu thực tiễn

.....
.....
.....
.....

61. Đề xuất nghiên cứu một số đề tài KH cho sự phát triển của cộng đồng

.....
.....
.....
.....

62. Quý Thầy/Cô có ý kiến cụ thể về nội dung cần cải tiến (câu không bắt buộc).

.....
.....
.....
.....

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý Thầy/Cô!

